TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **526**/2022/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 9 năm 2022
V/v tranh chấp "Ly hôn, hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hoàng Hoa.

2. Ông Châu Văn Bình (Châu Vũ Bình).

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Nguyễn Ái Quyên - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Dương Văn Nguyện - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn, hợp đồng vay tài sản".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Phan Nhựt Th**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Khu H, thị trấn C, huyện C, tỉnh T.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Mỹ D**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Khu H, thị trấn C, huyện C, tỉnh T.

Tạm trú: Ấp Th, xã A, huyện C, tỉnh T.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- **Ngân hàng N**;

Địa chỉ: Phường Th1, quận B, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th2. Chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hoài M. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N- Chi nhánh huyện C(Theo giấy ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019;

Địa chỉ: Khu M, thị trấn C, huyện C, tỉnh T.

(Ông Trần Hoài M ủy quyền cho chị Nguyễn Anh Th3 theo giấy ủy quyền ngày 08/9/2022)

- Bà **Võ Thị Hồng M1**, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Khu M2, thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh T.

- Chị **Lê Thị Ngọc H1**, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Đường Đ, phường N, thành phố M3, tỉnh T.

Tạm trú: Ấp Đ, xã L, huyện C, tỉnh T.

- **Công ty Tài chính TNHH MTV H2**;

Địa chỉ: Tòa nhà P, phường T1, thành phố T2, thành phố H2.

(Có mặt anh Th, chị Th3; vắng mặt chị D, bà M1, chị H1, Công ty Tài chính TNHH MTV H2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 24/01/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là anh Phan Nhựt Th trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Mỹ D chung sống với nhau năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh T vào ngày 19/10/2006. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2021, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp và ly thân từ ngày 29/11/2021 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu ly hôn với chị D.

Về con chung: Có 02 con chung là Phan Nguyễn K, sinh ngày 05/10/2007 và Phan Nguyễn B, sinh ngày 10/10/2018. Khi ly hôn, anh Th yêu cầu giao cháu K cho anh nuôi dưỡng, không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi cháu K; giao cháu B cho chị D nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi cháu B.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh không biết về các khoản nợ mà chị D trình bày tại bản khai ngày 17/02/2022. Anh không sử dụng số tiền này nên anh không đồng ý trả.

* Tại bản khai ngày 17/02/2022, chị Nguyễn Thị Mỹ D trình bày: Chị và anh Phan Nhựt Th chung sống với nhau năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh T vào ngày 19/10/2006. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến ngày 29/11/2021, cha mẹ chồng chị biết về số nợ nên đuổi chị ra khỏi nhà. Anh Th đề nghị chị về sống ở nhà cha mẹ ruột sống ở ấp Th, xã A, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Về hôn nhân: Chị không đồng ý ly hôn với anh Th. Nếu anh Th nhất quyết muốn ly hôn thì chị đồng ý với điều kiện chia đôi số nợ chung.

Về con chung: Có 02 con chung là Phan Nguyễn K, sinh ngày 05/10/2007 và Phan Nguyễn B, sinh ngày 10/10/2018. Khi ly hôn, chị đồng ý giao cháu K cho anh Th nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi cháu K; giao cháu B cho chị nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi cháu B.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Số tiền 869.864.000 đồng. Cụ thể:

- Tháng 03/2021, chị có vay của Ngân hàng N số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, chị đã đóng lãi 6.000.000 đồng. Nay chị còn nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 50.000.000 đồng.

- Ngày 24/12/2020, chị có vay của Công ty Tài chính TNHH MTV H2 số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, chị trả hàng tháng với số tiền 2.661.000 đồng. Từ ngày 24/12/2020 đến ngày 24/12/2021, chị đã trả được 31.932.000 đồng. Nay chị còn nợ Công ty Tài chính TNHH MTV H2 số tiền 63.864.000 đồng.

- Ngày 27/7/2020 (âm lịch), chị có vay của bà Võ Thị Hồng M1 nhiều lần tổng cộng số tiền 250.000.000 đồng, thời gian trả là ngày 27/12/2020, lãi suất 4%/tháng, chị đã đóng lãi từ ngày 27/7/2020 (âm lịch) đến nay là 170.000.000 đồng. Chị còn nợ bà M1 số tiền 250.000.000 đồng.

- Ngày 15/11/2021, chị vay của chị Lê Thị Ngọc H1 số tiền là 564.000.000 đồng, có viết biên nhận. Ngày 15/12/2021, chị đã trả cho chị H1 số tiền 251.000.000 đồng. Chị còn nợ chị H1 số tiền 313.000.000 đồng.

- Ngày 20/12/2020, chị có vay của chị Huỳnh Trần Ngọc Bích Ng số tiền 130.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, không có biên nhận. Chị đã đóng lãi từ ngày 20/12/2020 đến ngày 15/11/2021 là 143.000.000 đồng. Đến ngày 20/12/2021, chị không đóng lãi nữa nên cộng dồn tiền lãi vào tiền vốn. Chị còn nợ chị Ng số tiền 143.000.000 đồng.

- Ngày 18/02/2021, chị vay của chị Nguyễn Xuân H3 số tiền là 50.000.000 đồng, có viết biên nhận, lãi suất 10%/10 ngày nhưng không có biên nhận. Chị đã đóng lãi từ ngày 18/12/2021 đến ngày 17/02/2021 là 150.000.000 đồng. Chị còn nợ chị H3 số tiền 50.000.000 đồng.

Số tiền nợ này chị dùng vào việc: Do chị làm mất giỏ xách đựng tiền của giáo viên gửi trả Ngân hàng và tiền quỹ của trường Tiểu học Thị trấn C nên phải trả lại số tiền này, đóng lãi cho các khoản nợ kể trên, chi tiêu cho gia đình, mua tủ lạnh, máy lạnh, tivi, đóng bảo hiểm nhân thọ cho gia đình.

* Tại văn bản số 483/2022/HC-LC ngày 26/5/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Tài chính TNHH MTV H2trình bày: Công ty Tài chính TNHH MTV H2 không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ của anh Phan Nhựt Th và chị Nguyễn Thị Mỹ D trong vụ án này nếu có phát sinh tranh chấp sẽ yêu cầu bằng một vụ án khác. Công ty Tài chính TNHH MTV H2 xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

* Tại bản khai ngày 30/5/2022, bà Võ Thị Hồng M1 trình bày: Chị Nguyễn Thị Mỹ D có nợ bà số tiền là 250.000.000 đồng. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền mà chị D còn nợ trong vụ án trong vụ án này, nếu có phát sinh tranh chấp bà sẽ yêu cầu bằng một vụ án khác. Bà xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

* Tại bản khai ngày 22/6/2022, chị Lê Thị Ngọc H1 trình bày: Chị Nguyễn Thị Mỹ D có nợ chị số tiền là 564.000.000 đồng, chị D đã trả số tiền 251.000.000 đồng, còn nợ chị số tiền 313.000.000 đồng. Hiện chưa đến thời gian trả nợ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án trong vụ án này, nếu có phát sinh tranh chấp sẽ yêu cầu bằng một vụ án khác. Chị xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

* Tại đơn khởi kiện ngày 11/7/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N (Ngân hàng) là bà Nguyễn Anh Th3 trình bày:

Ngày 18/3/2021, Ngân hàng N có ký hợp đồng tín dụng với chị Nguyễn Thị Mỹ D (theo giấy đề nghị cấp/ thay đổi hạn mức thấu chi, hợp đồng thấu chi số 6904-LAV-2021 01464), hạn mức thấu chi là 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, không có bảo đảm bằng tài sản, thỏa thuận lãi suất theo lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 11%/năm, lãi suất điều chỉnh qua từng thời kỳ nhưng không được vượt quá trần lãi suất do Nhà nước công bố. Đến ngày 15/12/2021 lãi suất được điều chỉnh là 7,5%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Vì đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên đây là nợ chung của chị D và anh Th. Nay đã hết thời hạn vay nhưng chị D và anh Th không thanh toán số nợ cho Ngân hàng. Ngày 19/3/2022, số nợ chuyển sang nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng yêu cầu anh Phan Nhựt Th và chị Nguyễn Thị Mỹ D trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay còn nợ là 50.000.000 đồng và tiền lãi.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn anh Phan Nhựt Th trình bày: Vợ chồng có mâu thuẫn từ tháng 7/2021. Trong thời gian chung sống, chị D hay bỏ nhà đi do vợ chồng cãi vả lẫn nhau. Hiện nay, chị D đã có người đàn ông khác. Anh làm nghề thợ hồ, thu nhập mỗi ngày là 350.000 đồng. Anh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N là bà Nguyễn Anh Th3 trình bày: Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu anh Phan Nhựt Th và chị Nguyễn Thị Mỹ D trả cho Ngân hàng số tiền vay còn nợ là 54.395.386 đồng (trong đó nợ gốc là 50.000.000 đồng và nợ lãi quá hạn là 4.395.386 đồng, tạm tính đến ngày 26/9/2022) và tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 27/9/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử, nguyên đơn và người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Phan Nhựt Th; giao Phan Nguyễn K, sinh ngày 05/10/2007 cho anh Phan Nhựt Th nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị Mỹ D không phải cấp dưỡng nuôi cháu K; giao cháu Phan Nguyễn B, sinh ngày 10/10/2018 cho chị Nguyễn Thị Mỹ D nuôi dưỡng, anh Nguyễn Nhựt Th không phải cấp dưỡng nuôi cháu B. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam buộc chị Nguyễn Thị Mỹ D trả cho Ngân hàng số tiền vay còn nợ là 54.395.386 đồng (trong đó nợ gốc là 50.000.000 đồng và nợ lãi quá hạn là 4.395.386 đồng, tạm tính đến ngày 26/9/2022) và tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 27/9/2022 cho đến khi chị D thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp:

Anh Th khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị D nên đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển N căn cứ vào hợp đồng thấu chi số 6904-LAV-2021014640 ngày 18/3/2021 để khởi kiện yêu cầu anh Phan Nhựt Th và chị Nguyễn Thị Mỹ D trả số tiền còn nợ. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 16 Điều 4, điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[2] Về tố tụng:

Bà Võ Thị Hồng M1, chị Lê Thị Ngọc H1 và Công ty Tài chính TNHH MTV H có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị vắng mặt mà không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị D theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Nhựt Th và chị Nguyễn Thị Mỹ D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh T cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử hôm nay, Tòa án đã triệu tập chị D đến Tòa án nhưng chị vắng mặt không có lý do và không đưa ra được một biện pháp cụ thể nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng nên anh đã mặc nhiên từ bỏ cơ hội để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Anh Th vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Đời sống vợ chồng giữa anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, cả hai không còn yêu thương quan tâm chăm sóc lẫn nhau và đã ly thân từ ngày 29/11/2021 cho đến nay nên mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Th theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 02 con chung là Phan Nguyễn K, sinh ngày 05/10/2007 và Phan Nguyễn B, sinh ngày 10/10/2018.

Anh Th yêu cầu giao cháu K cho anh nuôi dưỡng, chị D không phải cấp dưỡng nuôi cháu K; giao cháu B cho chị D nuôi dưỡng, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi cháu B. Chị D thống nhất với yêu cầu của anh Th nên Hội đồng xét xử ghi nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3.4] Nợ chung:

Anh Th trình bày không có. Anh Th không biết về các khoản nợ chị D trình bày tại bản khai ngày 17/02/2022, anh không sử dụng số tiền này nên anh không đồng ý trả. Chị D có bản khai trình bày về các khoản nợ nhưng từ khi thụ lý vụ án đến nay chị không có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án thụ lý giải quyết, không cung cấp năm sinh, địa chỉ cụ thể của chị Huỳnh Trần Ngọc Bích Ng, chị Nguyễn Xuân H3 nên Tòa án không giải quyết đối với các khoản nợ này.

[4] Về yêu cầu của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam:

Xét theo giấy đề nghị cấp/ thay đổi hạn mức thấu chi, hợp đồng thấu chi số 6904-LAV-2021 01464 thể hiện chị D có vay của Ngân hàng số tiền là 50.000.000 đồng, thời hạn là 12 tháng, không có bảo đảm bằng tài sản, hình thức bảo đảm là tín chấp do chị D là kế toán tại trường Tiểu học Thị trấn C, thỏa thuận lãi suất theo lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 11%/năm, lãi suất điều chỉnh qua từng thời kỳ nhưng không được vượt quá trần lãi suất do Nhà nước công bố, đến ngày 15/12/2021 lãi suất được điều chỉnh là 7,5%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Ngày 19/3/2022, số nợ chuyển sang quá hạn nên chị đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán thỏa thuận trong hợp đồng. Do đó yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ theo quy định tại các Điều 91, 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, chị D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Ngân hàng yêu cầu anh Th liên đới với chị D trả số nợ. Xét thấy, anh Th không có ký tên vào hợp đồng tín dụng, anh trình bày không biết và không sử dụng số tiền 50.000.000 đồng mà chị D vay của Ngân hàng. Ngân hàng không có chứng cứ chứng minh anh Th có sử dụng số tiền này hay chị D sử dụng số tiền này chi tiêu cho kinh tế gia đình. Chị D sử dụng số tiền này bằng hình thức chuyển khoản, không rút tiền mặt nên anh Th không biết và Ngân hàng trình bày chị D dùng số tiền này để tiêu dùng trong gia đình là không có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng là buộc anh Th liên đới trả số tiền nợ.

[5] Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về án phí:

Anh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình không có giá ngạch theo điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch theo Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội đối với yêu cầu của Ngân hàng N được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 28, 35, 39, 91, 147, 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 4, 91, 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26, điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Phan Nhựt Th.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Nhựt Th được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ D;

- Về con chung: Giao Phan Nguyễn K, sinh ngày 05/10/2007 cho anh Phan

Nhựt Th nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị Mỹ D không phải cấp dưỡng nuôi cháu K; giao cháu Phan Nguyễn B, sinh ngày 10/10/2018 cho chị Nguyễn Thị Mỹ D nuôi dưỡng, anh Nguyễn Nhựt Th không phải cấp dưỡng nuôi cháu B.

Anh Th và chị D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ D phải thanh toán cho Ngân hàng N số tiền vay còn nợ là 54.395.386 đồng (trong đó nợ gốc là 50.000.000 đồng và nợ lãi quá hạn là 4.395.386 đồng, tạm tính đến ngày 26/9/2022).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, chị D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

3. Về án phí:

Anh Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Anh Th đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005456 ngày 21/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, nên anh đã nộp xong.

Chị D phải chịu 2.720.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Th và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị D, bà Mai, chị Hân và Công ty Tài chính TNHH MTV H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND h. Chợ Gạo;
- Chi cục THADS h. Chợ Gạo;
- UBND thị trấn C, h. C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Huyền Ni